TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **592**/2023/KDTM-PT
Ngày: 19/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Thẩm Phán: 1. Bà Trương Thị Thảo

2. Bà Phùng Thị Như Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Vào ngày 15/9/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/KDTM-PT ngày 30/11/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 798/2022/KDTM-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2089/2023/QĐXX-PT ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4607/2023/QĐ-HPT ngày 25/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNK

Địa chỉ trụ sở: Số 78 Đường số AB, phường Đ, quận T, Thành phố H - Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Lê P Y - Địa chỉ: Số 7/23 Ấp T xã Q, huyện C, Thành phố H (Có mặt).

Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ trụ sở: Số 1162/5 đường S, Phường SQ, quận N, Thành phố H - Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kông P - Địa chỉ: 1162/5 đường S, Phường SQ, quận N, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2022 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNK (có bà Huỳnh Lê P Y đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021, giữa Công ty TNK và Công ty S có ký kết các hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày 02/01/2021 với nội dung:

Công ty TNK đồng ý bán cho Công ty S các mặt hàng thép tấm, thép cuộn, thép hình các loại (U, I, V, H...), thép xây dựng dạng cuộn, thép xây dựng dạng cây vằn, thép vuông hộp, thép ống, thép láp, thép đường ray, thép cọc cừ, tole mạ màu, tole mạ kẽm... được sử dụng trong chế tạo, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Ngày 28/02/2021, hai bên ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ. Trong biên bản này thể hiện: Tính đến ngày 28/02/2021, Công ty S còn nợ Công ty TNK số tiền nợ là 2.301.178.061 (*Hai tỷ ba trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn không trăm sáu mươi mốt*) đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã vi phạm điều khoản thanh toán trong hợp đồng (khoản b mục 4 Điều 3 của hợp đồng).

Sau khi ký biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/02/2021, tính đến ngày hòa giải tại Tòa án (ngày 10/8/2022) thì Công ty S có trả thêm cho Công ty TNK được số tiền là 801.517.374 (*Tám trăm lẻ một triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm bảy mươi bốn*) đồng.

Do vậy, Công ty TNK khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/8/2022 là 1.849.361.607 *(Một tỷ tám trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm lẻ bảy)* đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.499.660.687 đồng và Nợ lãi (theo mức lãi suất 10.5%/năm) là 349.700.920 đồng.

Mức lãi này đã giảm so với theo thỏa thuận trong hợp đồng, trong hợp đồng lãi mà hai bên thỏa thuận là 14,6%/năm.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 11/8/2022 trở đi cho đến khi Công ty S trả hết nợ gốc theo mức lãi suất 10.5%/năm.

Bị đơn Công ty S trình bày:

Công ty S và Công ty TNK là đối tác làm ăn với nhau trong một thời gian dài và đã từng giao dịch nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa là mặt hàng nguyên liệu ngành thép xây dựng. Công ty TNK (là đơn vị bán thép xây dựng) và Công ty S (là nhà thầu xây dựng).

Gần đây nhất, ngày 22/6/2020 hai bên có ký hợp đồng nguyên tắc mua Thép để xây dựng công trình do Công ty SSC làm chủ đầu tư.

Quan hệ mua bán thép giữa hai bên rất tốt, Công ty S đã mua tất cả 25 chuyến hàng với tổng giá trị là 10.452.077.765 (*Mười tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi lăm)* đồng và đã thanh toán cho Công ty TNK số tiền là 8.150.899.704 (*Tám tỷ một trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm lẻ bốn)* đồng. Công ty S còn nợ Công ty TNK số tiền là 2.301.178.061 (*Hai tỷ ba trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn không trăm sáu mươi mốt*) đồng.

Công việc đang tiến hành thuận lợi thì đến Tết âm lịch 2021, Chủ đầu tư công trình là Công ty SSC thiếu vốn phải tạm ngưng thi công, tiếp theo đó là

dịch COVID 19 diễn ra trong thời gian dài nên toàn bộ các công trình (chủ đầu tư đang đầu tư 3 công trình tại Khu công nghệ cao) đều phải tạm ngưng.

Do vậy, Công ty S phải chờ Chủ đầu tư thanh toán và trong thời gian này các doanh nghiệp đều khó khăn nên đề nghị Công ty TNK cho Công ty S được trả dần số nợ gốc.

Sau khi hết thời gian giãn cách xã hội do COVID 19 là 6 tháng, Công ty S đã trả thêm cho Công ty TNK được số tiền là 801.517.374 (*Tám trăm lẻ một triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm bảy mươi bốn*) đồng. Còn nợ lại số tiền nợ gốc là 1.499.660.687 (*Một tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ngàn sáu trăm tám mươi bảy*) đồng.

Trong trường hợp Công ty TNK quá khó khăn thì Công ty S đề nghị Công ty TNK lấy lại một số thép hình mà Công ty S đã mua của Công ty TNK nhưng chưa tiêu thụ được, hoặc một số tài sản của Công ty S như: Xe tải, xe 7 chỗ … để trừ bớt một phần nợ còn lại.

Công ty S xác nhận tính đến ngày 10/8/2022, Công ty S còn nợ Công ty TNK số tiền nợ gốc là 1.499.660.687 (*Một tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ngàn sáu trăm tám mươi bảy*) đồng.

Về thời hạn trả: Công ty S đề nghị trả toàn bộ số nợ gốc cho Công ty TNK chậm nhất đến ngày 31/12/2022.

Về khoản nợ lãi (theo mức lãi suất 10.5%/năm) tính đến ngày 10/8/2022 là 349.700.920 đồng (*ba trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm ngàn chín trăm hai mươi*) đồng: Do hiện nay Công ty S đang khó khăn về tài chính, các công nợ mà các đối tác còn nợ Công ty S thì chưa thu hồi được. Do vậy, đề nghị Công ty TNK miễn toàn bộ tiền lãi cho Công ty S .

Bản án số 798/2022/KDTM-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNK.

Buộc Công ty S phải trả cho Công ty TNK số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2022) là 1.868.343.615 (*Một tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm mười năm)* đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.499.660.687 đồng và Nợ lãi là: 368.682.928 đồng.

Thời hạn thanh toán: Chậm nhất đến ngày 31/12/2022 trả hết toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi là 1.868.343.615 (*Một tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm mười lăm)* đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 05/10/2022 Công ty S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 798/2022/KDTM-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty TNK và bị đơn Công ty S thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn Công ty TNK và bị đơn Công ty S về việc thanh toán số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng nguyên tắc: Hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và Hợp đồng nguyên tắc số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày 02/01/2021 tiền gốc là 1.099.660.687 đồng và tiền lãi là 300.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty S làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty TNK và bị đơn Công ty S thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay. Đây là tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty S chịu 28.025.154 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các bên thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo Công ty S phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn Công ty TNK và bị đơn Công ty S, sửa bản án sơ thẩm:

1. - Chậm nhất đến hết ngày 31/7/2023 bị đơn Công ty S phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNK số tiền nợ gốc của hai hợp đồng nguyên tắc: Hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và Hợp đồng nguyên tắc số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày 02/01/2021 là 1.099.660.687 đồng;

- Chậm nhất đến hết ngày 31/9/2023 bị đơn Công ty S phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNK số tiền nợ lãi phát sinh của hai hợp đồng nguyên tắc: Hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và Hợp đồng nguyên tắc số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày 02/01/2021 là 300.000.000 đồng.

- Nếu hết ngày 31/7/2023 bị đơn Công ty S không thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNK số tiền nợ gốc của hai hợp đồng nguyên tắc: Hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và Hợp đồng nguyên tắc số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày 02/01/2021 là 1.099.660.687 đồng thì:

+ Bị đơn Công ty S phải chịu tiền lãi phát sinh theo Bản án sơ thẩm số 798/2022/KDTM-ST ngày 23/9/2022 là 368.682.928 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày ban hành bản án sơ thẩm theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và Hợp đồng nguyên tắc số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày 02/01/2021 cho đến ngày bị đơn Công ty S thực tế trả hết số nợ gốc cho nguyên đơn Công ty TNK.

+ Nguyên đơn Công ty TNK được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ gốc là 1.099.660.687 đồng và nợ lãi theo Bản án sơ thẩm số 798/2022/KDTM-ST ngày 23/9/2022 là 368.682.928 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày ban hành bản án sơ thẩm theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc số 22.06-2020/HĐNT/NK-S.A.E ngày 22/6/2020 và Hợp đồng nguyên tắc số 02.01-2021/HĐNT/NK-S.A.E ngày

02/01/2021 cho đến ngày bị đơn Công ty S thực tế trả hết số nợ gốc cho nguyên đơn Công ty TNK.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty HGK chịu 13.351.980 (mười ba triệu ba trăm năm mươi một ngàn chín trăm tám mươi) đồng. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí là 10.184.640 (mười triệu một trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng mà Công ty HGK đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0069205 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn Công ty HGK còn phải nộp thêm số tiền là 3.167.340 (ba triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm bốn mươi) đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty V số tiền 15.681.469 (mười lăm triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số AA/2021/0030659 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn Công ty HGK phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Cấn trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty HGK đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0031933 ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn Công ty HGK đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Việc thi hành được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Như Mai Trương Thị Thảo

Đỗ Quốc Đạt

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu: VP, hồ sơ.

Đỗ Quốc Đạt

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Quốc Đạt